

THÔNG BÁO

**Về việc niêm yết công khai thực hiện
dự toán thu – chi ngân sách 9 tháng đầu năm 2024
của Trường Tiểu học Vĩnh Lộc 1**

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Trường tiểu học Vĩnh Lộc 1 thông báo tổ chức niêm yết công khai thực hiện dự toán thu – chi ngân sách 9 tháng đầu năm 2024.

- Thời gian niêm yết: niêm yết công khai trong vòng một tháng kể từ ngày ra thông báo.

- Thành phần hồ sơ niêm yết: Quyết định số 385/QĐ-THVL1 ngày 16 tháng 10 năm 2024 về việc công bố công khai số liệu thực hiện dự toán ngân sách 9 tháng đầu năm 2024 của trường Tiểu học Vĩnh Lộc 1; Bảng công khai thực hiện dự toán thu – chi ngân sách 9 tháng đầu năm 2024 .

- Địa điểm niêm yết: tại trụ sở trường tiểu học Vĩnh Lộc 1

Trên đây là Thông báo của trường tiểu học Vĩnh Lộc 1./.

Nơi nhận:

- Phòng TC-KH
- Lưu VT.

HIỆU TRƯỞNG



Phan Văn Cư

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố công khai số liệu thực hiện dự toán ngân sách
9 tháng đầu năm 2024 của Trường Tiểu học Vĩnh Lộc 1**

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT – BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài Chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài Chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ số liệu thực hiện dự toán chi ngân sách 9 tháng đầu năm 2024 của Trường Tiểu học Vĩnh Lộc 1.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu thực hiện dự toán ngân sách 9 tháng đầu năm 2024 của trường Tiểu học Vĩnh Lộc 1 (theo Biểu số 3- Ban hành kèm theo Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài Chính).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Cán bộ, giáo viên, nhân viên Trường Tiểu học Vĩnh Lộc 1 và các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Phòng TC –KH BC;
- Lưu VT.

HIỆU TRƯỞNG



Phan Văn Cư

Bình Chánh, ngày 16 tháng 10 năm 2024

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH 9 THÁNG ĐẦU NĂM 2024

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị
dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài Chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài Chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Trường Tiểu học Vĩnh Lộc 1 công khai tình hình thực hiện dự toán thu - chi ngân sách 9 tháng đầu năm 2024 như sau:

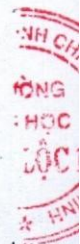
ĐV tính: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện 9 tháng đầu năm 2024	Ước thực hiện/ Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện 9 tháng đầu năm nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	0,0	0,0	0%	0%
I	Số thu phí, lệ phí	0,0	0,0	0%	0%
1	Lệ phí				
2	Phí	0,0	0,0	0%	0%
	Phí tuyển dụng viên chức	0,0	0,0	0%	0%
3	Thu sự nghiệp	3.672,4	1.433,5	39%	125%
3.1	Thu học phí				
3.2	Thu các khoản phục vụ cho hoạt động giáo dục ngoài giờ học chính khóa	2.563,0	1.037,1	40%	135%
	Tiếng anh tăng cường	185,0	117,7	64%	74%
	Tiếng anh có GV người nước ngoài	624,0	369,5	59%	201%
	Tin học tự chọn	28,0	21,8	78%	68%
	Học bơi	146,0	63,5	43%	181%
	Kỹ năng sống	790,0	464,6	59%	129%
	Giáo dục Stem	790,0	0,0	0%	0%
3.3	Thu các khoản phục vụ cho hoạt động giáo dục thực hiện theo các Đề án	151,0	42,9	28%	0%
	Tin học theo chuẩn Quốc tế IC3	151,0	42,9	28%	0%
3.4	Thu các khoản thu hỗ trợ cho cá nhân học sinh	168,4	73,5	44%	110%
	Nước uống	115,7	64,7	56%	112%
	Giấy thi	15,4	7,8	51%	105%
	Học bạ	0,0	0,0	0%	0%
	Sổ liên lạc, phù hiệu	37,3	1,0	3%	83%
3.5	Thu khác	1.140,5	255,2	22%	82%
	Căn tin	140,6	93,8	67%	61%
	Bảo hiểm y tế	912,2	139	15%	90%



STT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện 9 tháng đầu năm 2024	Ước thực hiện/ Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện 9 tháng đầu năm nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
	Bảo hiểm tai nạn	0,0	0,0	0%	0%
	Chăm sóc sức khỏe ban đầu	45,6	2,4	5%	92%
	BHXH chi hoàn trả thẻ BHYT học sinh	0,0	18,4	0%	3680%
	Khen thưởng Phòng Nội vụ chuyên	0,0	1,0	0%	0%
	Khám sức khỏe học sinh	25,7	0,5	2%	0%
	Thủ lao BHYT	16,4	0,0	0%	0%
3.6	Lãi không kỳ hạn	2,0	0,9	45%	75%
3.7	Các quỹ	17,0	23,9	141%	0%
	Quỹ phúc lợi	0,0	0,0	0%	0%
	Quỹ phát triển sự nghiệp	17,0	5,0	29%	0%
	Quỹ khen thưởng	0,0	18,9	0%	0%
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	0,0	0,0	0%	0%
1	Chi sự nghiệp giáo dục				
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
2	Chi quản lý hành chính				
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
III	Số phí, lệ phí nộp NSNN				
1	Lệ phí				
2	Phí				
3	Chi sự nghiệp giáo dục	3.672,4	1.236,1	34%	120%
3.1	Chi học phí				
3.2	Thu các khoản phục vụ cho hoạt động giáo dục ngoài giờ học chính khóa	2.563,0	1.026,6	40%	134%
	Tiếng anh tăng cường	185,0	117,4	63%	73%
	Tiếng anh có GV người nước ngoài	624,0	374,6	60%	205%
	Tin học tự chọn	28,0	3,1	11%	11%
	Học bơi	146,0	63,3	43%	183%
	Kỹ năng sống	790,0	468,2	59%	130%
	Giáo dục Stem	790,0	0,0	0%	0%
3.3	Thu các khoản phục vụ cho hoạt động giáo dục thực hiện theo các Đề án	151,0	40,8	27%	0%
	Tin học theo chuẩn Quốc tế IC3	151,0	40,8	27%	0%
3.4	Thu các khoản thu hỗ trợ cho cá nhân học sinh	168,4	72,5	43%	111%
	Nước uống	115,7	64,7	56%	112%
	Giấy thi	15,4	7,8	51%	107%
	Học bạ	0,0	0,0	0%	0%
	Sổ liên lạc, phù hiệu	37,3	0,0	0%	0%
3.5	Chi khác	1.140,5	65,7	6%	45%
	Căn tin	140,6	10,4	7%	9%
	Bảo hiểm y tế	912,2	14,2	2%	79%

STT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện 9 tháng đầu năm 2024	Ước thực hiện/ Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện 9 tháng đầu năm nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
	Bảo hiểm tai nạn	0,0	0,0	0%	0%
	Chăm sóc sức khỏe ban đầu	45,6	22,8	50%	248%
	BHXH chi hoàn trả thẻ BHYT học sinh	0,0	18,3	0%	3660%
	Khen thưởng Phòng Nội vụ chuyển	0,0	0,0	0%	0%
	Khám sức khỏe học sinh	25,7	0,0	0%	0%
	Thủ lao BHYT	16,4	0,0	0%	0%
3.6	Lãi không kỳ hạn	2,0	0,4	20%	100%
3.7	Các quỹ	17,0	30,1	177%	59%
	Quỹ phúc lợi	0,0	0,0	0%	0%
	Quỹ phát triển sự nghiệp	17,0	11,2	66%	22%
	Quỹ khen thưởng	0,0	18,9	0%	0%
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	12.405,8	7.124,0	57%	118%
I	Nguồn ngân sách trong nước				
1	Chi quản lý hành chính				
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở				
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng				
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	12.405,8	7.124,0	57%	118%
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	12.000,4	7.044,8	59%	118%
	TM 6001: Lương theo ngạch , bậc	3.153,2	2.568,0	81%	132%
	TM 6101: Phụ cấp chức vụ	64,8	53,0	82%	124%
	TM 6112: Phụ cấp ưu đãi nghề	1.058,6	876,8	83%	132%
	TM 6113: Phụ cấp trách nhiệm	0,0	0,0	0%	0%
	TM 6115: Phụ cấp thâm niên vượt khung, thâm niên nghề	455,0	363,2	80%	124%
	TM 6299: Chi phúc lợi tập thể	0,0	0,0	0%	0%
	TM 6301: BHXH	642,7	535,0	83%	134%
	TM 6302: BHYT	110,2	91,7	83%	134%
	TM 6303: KPCĐ	73,4	60,2	82%	132%
	TM 6304: BHTN	36,8	30,6	83%	134%
	TM 6404: Chi thu nhập tăng thêm	15,0	0,0	0%	0%
	TM 6449: Trợ cấp, phụ cấp khác	5.015,4	1.653,1	33%	99%
	TM 6501: Chi thanh toán tiền điện	154,0	81,2	53%	117%



STT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện 9 tháng đầu năm 2024	Ước thực hiện/ Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện 9 tháng đầu năm nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
	TM 6502: Tiền nước	11,0	7,9	72%	136%
	TM 6504: Tiền vệ sinh môi trường	21,6	16,2	75%	0%
	TM 6551: Văn phòng phẩm	25,0	16,0	64%	105%
	TM 6552: Mua sắm công cụ dụng cụ văn phòng	10,0	5,0	50%	77%
	TM 6599: Vật tư văn phòng khác	40,0	22,6	57%	84%
	TM 6601: Cước phí điện thoại trong nước	0,5	0,2	40%	100%
	TM 6605: Cước phí Internet	9,5	9,9	104%	190%
	TM 6606: Tuyên truyền, quảng cáo	3,0	0,0	0%	0%
	TM 6608: Sách, báo tạp chí thư viện	31,0	14,7	47%	88%
	TM 6618: Khoản điện thoại	0,0	0,0	0%	0%
	TM 6704: Khoản công tác phí	0,0	0,0	0%	0%
	TM 6751: Thuê phương tiện vận chuyển	0,0	7,4	0%	116%
	TM 6754: Thuê thiết bị các loại	28,0	6,0	21%	71%
	TM 6757: Thuê lao động trong nước	527,0	319,8	61%	342%
	TM 6758: Thuê đào tạo lại cán bộ	50,0	0,0	0%	0%
	TM 6799: Chi phí thuê mướn khác	0,0	16,0	0%	6%
	TM 6907: Sửa chữa, duy tu nhà cửa	20,0	48,5	243%	0%
	TM 6912: Sửa chữa thiết bị tin học	10,4	1,6	15%	0%
	TM 6913: Sửa chữa, duy tu tài sản và thiết bị văn phòng	5,0	0,0	0%	0%
	TM 6921: Sửa chữa đường điện, cấp thoát nước	10,0	0,0	0%	0%
	TM 6949: Sửa chữa tài sản và thiết bị khác	29,2	60,4	207%	295%
	TM 6955: Mua sắm tài sản và thiết bị văn phòng	0,0	0,0	0%	0%
	TM 6956: Mua sắm các thiết bị công nghệ thông tin	0,0	0,0	0%	0%
	TM 6999: Mua sắm tài sản và thiết bị khác	0,0	0,0	0%	0%
	TM 7001: Chi mua hàng hóa, vật tư dùng cho chuyên môn từng ngành	146,5	9,3	6%	17%
	TM 7004: Đồng phục, trang phục	4,0	0,0	0%	0%
	TM 7012: Chi phí nghiệp vụ chuyên ngành	20,0	21,6	108%	128%
	TM 7049: Chi phí khác	159,6	144,5	91%	160%
	TM 7053: Mua, bảo trì phần mềm công nghệ	5,0	0,0	0%	0%
	TM 7757: Chi bảo hiểm tài sản và phương tiện	5,0	4,4	88%	100%
	TM 7799: Chi các khoản khác	0,0	0,0	0%	0%
	TM 7952: Chi lập quỹ phúc lợi	50,0	0,0	0%	0%
	TM 7953: Quỹ khen thưởng	0,0	0,0	0%	0%

STT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện 9 tháng đầu năm 2024	Ước thực hiện/ Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện 9 tháng đầu năm nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
	TM 7954: Chi lập quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp	0,0	0,0	0%	0%
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	405,4	79,2	20%	78%
	TM 6105: Phụ cấp thêm giờ	276,0	0,0	0%	0%
	TM 6149: Phụ cấp lương khác	29,0	0,0	0%	0%
	TM 6157: Hỗ trợ đối tượng chính sách chi phí học tập	14,0	0,0	0%	0%
	TM 6449: Trợ cấp, phụ cấp khác	86,4	79,2	92%	0%
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
5	Chi bảo đảm xã hội				
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
6	Chi hoạt động kinh tế				
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
II	Nguồn vốn viện trợ				
1	Chi quản lý hành chính				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
5	Chi bảo đảm xã hội				
6	Chi hoạt động kinh tế				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
III	Nguồn vay nợ nước ngoài				
1	Chi quản lý hành chính				

STT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện 9 tháng đầu năm 2024	Ước thực hiện/ Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện 9 tháng đầu năm nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
5	Chi bảo đảm xã hội				
6	Chi hoạt động kinh tế				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				

Định Chánh, ngày 16 tháng 10 năm 2023
 Thủ trưởng đơn vị

 Phan Văn Cư